

Bản án số: 171/2021/HS-ST

Ngày 16 - 12 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nguyên

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Anh Hiếu Chức vụ: Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 171/2021/HSST, ngày 25 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2021/HSST- QĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **DƯƠNG VĂN Q** (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1989 tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Xóm Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn Đ, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị U, sinh năm 1970; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1987 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không, hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương (Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào).

(Có mặt)

2. Họ và tên: **LÊ VĂN M** (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1982 tại: huyện Phú Bình; Nơi thường trú: Xóm X, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp:

Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Đồng Thị V1, sinh năm 1983 và có 01 con sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không, Bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương (bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào).

(Có mặt)

- *Bị hại*: Công ty cổ phần H, địa chỉ: Lô CN6, Khu công nghiệp Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đại diện theo pháp luật là ông: P, Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Vắng mặt)

- *Đại diện theo ủy quyền* (Văn bản ủy quyền đề ngày 30/7/2021):

Anh Phùng Xuân T, sinh năm 1982

Chức vụ: Trưởng phòng hành chính Công ty cổ phần H, địa chỉ: Lô CN6, Khu công nghiệp Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, Thị trấn B, Thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1993

Nơi thường trú: Xóm C, xã H, Thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Anh Tạ Văn D, sinh năm 1991

Nơi thường trú: Tổ C, Phường Đ, Thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

3. Anh Lê Văn T, sinh năm 1987

Nơi thường trú: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

4. Chị Ma Thị M1, sinh năm 1993

Nơi thường trú: Xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Văn V2, sinh năm 1986

Nơi thường trú: Tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

6. Anh Hà Văn T1, sinh năm 1982

Nơi thường trú: Xóm T, xã H, Thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 29/7/2021, Dương Văn Q, sinh năm 1989, trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là công nhân phụ trách vấn đề an toàn

lao động làm việc trong Công ty cổ phần H – Khu công nghiệp Đ, thuộc xóm B, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Q thấy tại khu vực cửa phía Bắc xưởng đúc có nhiều kiện hàng bên trong là những thanh kim loại nhôm, không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp, cất giấu vào kho của nhà ăn bếp Việt (nhà ăn giành cho người Việt Nam làm việc tại công ty) chờ cơ hội đem ra ngoài tiêu thụ.

Khoảng 21 giờ 00 cùng ngày, Q gọi điện thoại cho Lê Văn M, sinh năm 1982, trú tại: Xóm X, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (là công nhân lái xe nâng làm cùng xưởng) nói: “Anh có làm không”, M hỏi: “làm gì”, Q lại nói: “anh có làm không đã”. M nói với Q là đang bận làm, không nói chuyện được. Vì cửa nhà ăn bếp Việt không lớn nên khoảng 10 phút sau, Q gọi điện thoại lại cho M để hỏi M đang điều khiển xe nâng loại nào thì M nói là đang điều khiển xe nâng loại 05 tấn. Q bảo M đi đổi xe nâng từ loại 05 tấn sang loại 03 tấn để đi vào được kho của nhà ăn. M có hỏi Q đổi để làm gì thì Q chỉ nói: “cứ đổi đi”.

Khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, sau giờ nghỉ giải lao, M đổi xe nâng với anh Hà Văn T, sinh năm 1982, trú tại: xóm T, xã H, Thị xã P, tỉnh Thái Nguyên (là công nhân lái xe nâng cùng xưởng) lấy loại 03 tấn (khi đổi xe M không nói cho anh T biết việc M sẽ đi trộm cắp). Đổi được xe, M gọi điện thoại cho Q thông báo về việc đã đổi xe. Q bảo M đi lấy một chiếc bao tải dứa màu trắng ở cửa kho nhà ăn bếp Việt rồi lái xe nâng ra khu vực xưởng đúc để chở kiện nhôm về kho nhà ăn bếp Việt, M hỏi Q chở về làm gì thì Q trả lời “giấu ở đây khi nào có cơ hội thì mang ra ngoài qua xe rác”. M hiểu câu nói của Q là trộm cắp kiện nhôm của công ty, M hỏi lại Q “chia chác thế nào”. Q trả lời “mới làm lần đầu, chưa biết thế nào”. Sau đó, cả hai tắt điện thoại và tiếp tục làm việc. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Q gọi điện thoại di động cho M nói “anh có làm không, nếu làm thì đi đi”, M trả lời “tao đang bận lắm, đi được tao khác đi”. M tiếp tục làm việc đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày thì quyết định tham gia trộm cắp tài sản cùng Q.

M làm theo chỉ dẫn của Q trước đó, M điều khiển xe nâng loại 03 tấn đi lấy bao tải dứa rồi đi đến khu vực xưởng đúc thì gặp Q đang ở đó. Tại đây, có nhiều kiện nhôm màu trắng, bên ngoài có dây đai màu xanh. Q chỉ M vị trí kiện nhôm định trộm cắp, M điều khiển xe nâng đến gần rồi nâng kiện nhôm lên, Q lấy bao tải dứa màu trắng phủ lên trên kín kiện nhôm, M lấy một palet bằng gỗ để lên trên kiện nhôm để tránh phát hiện. Q đưa cho M một chiếc áo khoác đồng phục của công ty để M mặc để tránh bị phát hiện. M mặc áo rồi điều khiển xe nâng chở theo kiện nhôm đi về kho của nhà ăn bếp Việt. Q đi về nhà ăn bếp Việt trước, trèo qua cửa sổ để vào nhà kho rồi mở cửa kho từ bên trong. Khi M điều khiển xe nâng về đến nhà kho thì Q đã mở cửa và chờ sẵn ở đó. M điều khiển xe nâng đi qua cửa kho, đặt kiện nhôm xuống nền kho rồi lùi xe ra ngoài và tiếp tục đi làm việc. Q đóng cửa kho, chót bên trong rồi trèo ra ngoài qua cửa sổ của nhà kho.

Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1993, trú tại xóm C, xã H, Thị xã P, tỉnh Thái Nguyên là bảo vệ của công ty trong khi làm nhiệm vụ đã phát hiện hành vi chuyển kiện nhôm của M, thấy có biểu hiện nghi vấn nên theo dõi rồi mời M, Q đến làm việc. M và Q đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của công ty.

Ngày 30/7/2021, ông Phùng Xuân T, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố Đ, phường B, Thị xã P, tỉnh Thái Nguyên (là đại diện theo Ủy quyền của Công ty Cổ phần H) đã trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đề nghị làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật. Theo cung cấp của ông T, kiện nhôm Q và M trộm cắp là tài sản hợp pháp của công ty, phục vụ cho hoạt động sản xuất của công ty, tình trạng tài sản: Nhôm không hợp kim dạng thỏi mới 100%. Tiến hành cân kiện nhôm Q và M trộm cắp xác định tổng trọng lượng là 1020kg (một nghìn không trăm hai mươi kilôgam). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ kiện nhôm nêu trên, 01 bao tải dứa màu trắng và 01 palet bằng gỗ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐGTS, ngày 16/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phú Bình, kết luận: giá trị của 1020kg (một nghìn không trăm hai mươi kilôgam) nhôm không hợp kim dạng thỏi, tình trạng mới 100% là 63.240.000đ (sáu mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Khi làm việc với Cơ quan điều tra, Dương Văn Q tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Reami Note PS, màn hình màu đen, đã qua sử dụng. Lê Văn M đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màn hình màu đen, đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, Dương Văn Q và Lê Văn M đã khai nhận hành phạm tội của mình như nêu trên. Mục đích của Q và M là cất giấu tài sản vào kho nhà ăn bếp Việt, khi nào có cơ hội thì đưa lên xe chở rác mang ra ngoài công ty bán lấy tiền. Lời khai của Dương Văn Q và Lê Văn M phù hợp nhau và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của người làm chứng, lời khai của đại diện bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 kiện nhôm có khối lượng là 1020kg, 01 bao tải màu trắng, 01 palet bằng gỗ. Hiện đã hoàn trả cho anh Phùng Xuân T là đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần H quản lý sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màn hình màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn M được niêm phong trong bì giấy ký hiệu P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Reami Note PS, màn hình màu đen, đã qua sử

dụng thu giữ của Dương Văn Q được niêm phong trong bì giấy ký hiệu Q. Hiện đang được lưu giữ và bảo quản tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Phú Bình chờ xử lý.

Về phần dân sự của vụ án: ông Phùng Xuân T là đại diện theo Ủy quyền của Công ty Cổ phần H không có yêu cầu, đề nghị gì.

Bản cáo trạng số 180/CT-VKSPB, ngày 24/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M (có lý lịch nêu trên) về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận: Giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị với Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Dương Văn Q từ 30 tháng đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo; bị cáo Lê Văn M từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước những vật chứng là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, gồm: 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu P ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme C15 của Lê Văn M, máy cũ đã qua sử dụng và 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu Q ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S của Dương Văn Q, máy cũ đã qua sử dụng.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối với việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt đại diện theo pháp luật của bị hại (Ông P) và những người làm chứng của vụ án (Gồm: Nguyễn Văn Q1, Tạ Văn D, Lê Văn T, Ma Thị M1, Nguyễn Văn V, Hà Văn T). Hội đồng xét xử thấy, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến giải quyết tính khách quan, toàn diện vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3]. Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo, lời khai của người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 29/7/2021, tại Công ty cổ phần H - Khu công nghiệp Đ, thuộc xóm B, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 1.020kg (một nghìn không trăm hai mươi kilôgam) nhôm không hợp kim dạng thỏi, tình trạng mới 100% trị giá tài sản được xác định là 63.240.000đ của Công ty cổ phần H. Như vậy, với hành vi và hậu quả nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M đều phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Nội dung của Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) ...

2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm

a) ...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến 200.000.000đ; ...”

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là nghiêm trọng, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định về an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại có ý kiến cho rằng các bị cáo đều là những công nhân lâu năm của công ty, có những đóng góp cho sự phát triển của công ty, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và có nơi cư trú rõ ràng, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, cần có một mức án tương ứng với nhân thân, tính chất mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra và không cần thiết áp dụng biện pháp cải tạo cách ly mà có thể áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước. Đồng thời cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[5]. Căn cứ vào Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hội đồng xét xử căn ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M, buộc các bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2021

cho đến khi chấp hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản thiệt hại nào khác, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu sung quỹ nhà nước những vật chứng sau: 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu P ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme C15 của Lê Văn M, máy cũ đã qua sử dụng và 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu Q ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S của Dương Văn Q, máy cũ đã qua sử dụng. Vì bị các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình).

[9]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và biện pháp cải tạo, xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[11]. Thông báo về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền của bị hại biết có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M;

- Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 123; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 92, Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt

Dương Văn Q **30** (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **60** (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 16 tháng 12 năm 2021).

Lê Văn M **24** (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **48** (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 16 tháng 12 năm 2021).

Giao bị cáo Dương Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Lê Văn M cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (là các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M) nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

3. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M: Buộc các bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2021 cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án. Giao bị các cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

4. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung quỹ nhà nước những vật chứng sau: 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu P ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme C15 của Lê Văn M, máy cũ đã qua sử dụng và 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu Q ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S của Dương Văn Q, máy cũ đã qua sử dụng.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Dương Văn Q và Lê Văn M đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo (Dương Văn Q và Lê Văn M) và đại diện theo ủy quyền của bị hại (là anh Phùng Xuân T). Báo cho các bị cáo và anh Phùng Xuân T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt đại diện theo pháp luật của bị hại (ông P). Báo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Các bị cáo, Bị hại, Đại diện của bị hại;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên